

Số: /QĐ-UBND Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án Nâng cao bộ chỉ số khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Quyết định số 2244/QĐ-TTg ngày 13/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 604/QĐ-TTg ngày 02/04/2026 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số;

Căn cứ Quyết định số 2541/QĐ-BKHCN ngày 22/5/2026 của Bộ Khoa

học và Công nghệ ban hành Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ truyền thông khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 48-NQ/TU, ngày 20/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 14/7/2025 của Tỉnh ủy Khánh Hòa về tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2025 – 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 3659/TTr-SKHCN ngày 24/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Nâng cao bộ chỉ số khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 (nội dung Đề án kèm theo quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH&CN (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- UB MTTQVN và các TC CT-XH tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Báo và PTTH Khánh Hòa;
- VPUB: LĐ, các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT. NNN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hà

ĐỀ ÁN
NÂNG CAO BỘ CHỈ SỐ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI
SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH KHÁNH HÒA ĐẾN NĂM 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

PHẦN I
SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong bối cảnh toàn cầu đang chuyển dịch mạnh mẽ sang mô hình phát triển dựa trên tri thức, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KH,CN,ĐMST&CDS) đã trở thành những động lực cốt lõi thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang làm thay đổi sâu sắc phương thức sản xuất, quản trị và đời sống xã hội, đòi hỏi các quốc gia, địa phương phải chủ động thích ứng, nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện. Trong xu thế đó, việc đo lường, đánh giá hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thông qua các bộ chỉ số ngày càng trở nên quan trọng, là công cụ giúp các cấp chính quyền hoạch định chính sách, theo dõi tiến độ và điều chỉnh chiến lược phát triển phù hợp.

Tại Việt Nam, Đảng và Nhà nước đã xác định rõ KH,CN,ĐMST&CDS là những đột phá chiến lược. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh yêu cầu “phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế”. Đặc biệt, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị đã khẳng định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là “đột phá quan trọng hàng đầu”, đóng vai trò then chốt trong phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đổi mới phương thức quản trị quốc gia và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 lần đầu tiên đưa nội hàm “đổi mới sáng tạo” và “chuyển đổi số” vào khuôn khổ pháp lý thống nhất, tạo nền tảng quan trọng cho việc xây dựng các cơ chế, chính sách và công cụ quản lý, trong đó có các bộ chỉ số đánh giá.

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong cải thiện năng lực đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) liên tục được cải thiện về thứ hạng; hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát triển mạnh với hàng nghìn doanh nghiệp khởi nghiệp,

hiều quỹ đầu tư và tổ chức hỗ trợ được hình thành. Đồng thời, các bộ chỉ số quan trọng như Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), Chỉ số chuyển đổi số (DTI) đã được triển khai, từng bước trở thành công cụ hữu hiệu để đánh giá, so sánh và thúc đẩy các địa phương nâng cao hiệu quả quản lý và phát triển.

Đối với tỉnh Khánh Hòa, trong thời gian qua, việc triển khai các chủ trương, chính sách của Trung ương về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã đạt được những kết quả bước đầu đáng ghi nhận. Hạ tầng công nghệ thông tin, nền tảng số từng bước được đầu tư, hoàn thiện; hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ có chuyển biến tích cực; hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo từng bước được hình thành; các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đã quan tâm hơn đến ứng dụng công nghệ số trong quản lý, sản xuất, kinh doanh. Tỉnh Khánh Hòa cũng đã triển khai đánh giá một số bộ chỉ số quan trọng như PII, DTI và các chỉ số liên quan, góp phần phản ánh tương đối toàn diện hiện trạng phát triển KH,CN,ĐMST&CĐS trên địa bàn.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy các chỉ số khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh Khánh Hòa vẫn còn những hạn chế nhất định. Thứ hạng một số chỉ số thành phần chưa cao, thiếu tính ổn định; năng lực hấp thụ và ứng dụng công nghệ của doanh nghiệp còn hạn chế; nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu; mức độ liên kết giữa các chủ thể trong hệ sinh thái chưa chặt chẽ; việc thu thập, cập nhật dữ liệu phục vụ đánh giá chỉ số còn phân tán, chưa đồng bộ. Bên cạnh đó, nhận thức và mức độ quan tâm của một số cơ quan, đơn vị, địa phương đối với các bộ chỉ số chưa đầy đủ, dẫn đến việc khai thác và sử dụng kết quả đánh giá chưa thực sự hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành.

Kinh nghiệm trong nước và quốc tế cho thấy, việc nâng cao các bộ chỉ số khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số không chỉ là mục tiêu về thứ hạng, mà quan trọng hơn là quá trình cải thiện thực chất năng lực nội tại của nền kinh tế, của từng địa phương. Điều này đòi hỏi phải có cách tiếp cận tổng thể, đồng bộ, gắn kết chặt chẽ giữa các trụ cột “Nhà nước – Viện, trường – Doanh nghiệp”, đồng thời phát huy vai trò của dữ liệu số và các nền tảng số trong quản trị phát triển.

Trong bối cảnh tỉnh Khánh Hòa đang triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển theo Nghị quyết của Trung ương và định hướng trở thành trung tâm kinh tế biển, đô thị thông minh, trung tâm đổi mới sáng tạo của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, việc nâng cao các chỉ số KH,CN,ĐMST&CĐS có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây không chỉ là thước đo phản ánh chất lượng điều hành và mức độ phát triển của tỉnh, mà còn là công cụ định hướng chính sách, thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

Trên cơ sở các chủ trương, định hướng lớn của Trung ương, kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế trong thời gian qua, việc xây dựng và triển khai Đề án “Nâng cao bộ chỉ số khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030” là yêu cầu cấp thiết và khách quan. Đề án nhằm tạo ra khung hành động đồng bộ, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và giải

pháp trọng tâm để nâng cao thứ hạng và chất lượng các chỉ số, qua đó thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế - xã hội nhanh và bền vững của tỉnh trong giai đoạn tới.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Quyết định số 2244/QĐ-TTg ngày 13/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội;

Quyết định số 2541/QĐ-BKHCN ngày 22/5/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ truyền thông khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Quyết định số 604/QĐ-TTg ngày 02/04/2026 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số;

Nghị quyết số 48-NQ/TU, ngày 20/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 14/7/2025 của Tỉnh ủy Khánh Hòa về tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2025 – 2030;

PHẦN THỨ HAI

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH KHÁNH HÒA

I. MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Về tiềm lực KH,CN&ĐMST

- Chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) cấp tỉnh:

Kết quả PII năm 2025 cho thấy tỉnh Khánh Hòa đạt 46,54 điểm, xếp hạng 9/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, với nhiều chỉ số thành phần đạt kết quả tích cực, nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước, như: Hạ tầng số và Quản trị môi trường vượt trội: Trụ cột Cơ sở hạ tầng xếp hạng cao (6/34), trong đó chỉ số Hạ tầng số đạt vị trí thứ 5/34. Quản trị môi trường đạt điểm số rất tốt (80.25/100, xếp hạng 8). Hệ thống tổ chức KH&CN công lập mạnh: Số lượng tổ chức khoa học công nghệ và tỷ lệ chi cho nghiên cứu & phát triển (R&D) trên GRDP đều xếp hạng 4/34 toàn quốc. Tác động kinh tế và Năng suất lao động cao: Tốc độ tăng năng suất lao động xếp hạng 2 toàn quốc; Chỉ số sản xuất công nghiệp dẫn đầu cả nước (100/100 điểm, xếp hạng 1). Các sản phẩm OCOP từ 4 sao trở lên phát triển tương đối đồng đều. Tính năng động cao: Chỉ số tính năng động của chính quyền địa phương nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước (xếp hạng 6),...

- Về nhân lực cho KH,CN,ĐMST&CDS

Khánh Hòa là địa phương có đội ngũ cán bộ KH&CN dồi dào, ước tính đạt hơn 2.900 người tham gia nghiên cứu (13 người/vạn dân); tập trung vào khoa học biển, chế biến thủy sản, vaccine, nông nghiệp công nghệ cao, thú y và các ngành khác.

- Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:

Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Khánh Hòa hiện nay vẫn đang trong giai đoạn khởi đầu và dần hoàn thiện. Năm 2025, hoạt động thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Khánh Hòa có những bước chuyển biến tích cực, tỉnh Khánh Hòa được Bộ Khoa học và Công nghệ tặng bằng khen là địa phương có nhiều thành tích, đóng góp tích cực trong công tác xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia năm 2025.

- Tổ chức, doanh nghiệp khoa học và công nghệ:

Toàn tỉnh có 22 tổ chức KH&CN công lập, 24 tổ chức ngoài công lập, 09 viện/trung tâm thuộc bộ ngành, 05 trường đại học; 14 doanh nghiệp KH&CN với doanh thu hơn 200 tỷ đồng năm 2025.

- Năng lực đổi mới sáng tạo thông qua sở hữu công nghiệp:

Số đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích tăng từ 17 đơn năm 2024 lên 36 đơn năm 2025, xếp thứ 7/34 tỉnh, thành phố; số đơn đăng ký nhãn hiệu tăng

từ 381 lên 459 văn bằng (tăng 17%); đối với kiểu dáng công nghiệp tăng từ 13 lên 21 văn bằng (tăng 38%).

- Đóng góp của KH,CN&ĐMST vào tăng trưởng kinh tế:

Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt khoảng 40%, cao hơn so với giai đoạn trước, cho thấy vai trò ngày càng rõ nét của KH,CN&ĐMST trong nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế, dù vẫn chưa đạt mức kỳ vọng.

- Về phân bổ ngân sách đầu tư:

Dữ liệu thống kê cho thấy riêng kinh phí đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ đổi mới sáng tạo của toàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 dao động từ 33 tỷ đến 41 tỷ mỗi năm (riêng năm 2025 chỉ giải ngân được khoảng 22 tỷ do phải xử lý các thủ tục trong quá trình hợp nhất tỉnh).

II. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

1. Tồn tại, hạn chế

- Trình độ phát triển của doanh nghiệp ở mức thấp: Trục cột 5 (Trình độ phát triển của doanh nghiệp) là điểm yếu lớn nhất (22.77/100 điểm, xếp hạng 26/34). Các chỉ số doanh nghiệp có hoạt động R&D, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN với doanh nghiệp đều rất thấp. Mật độ dự án hoạt động trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên 1.000 doanh nghiệp chế biến chế tạo nằm ở nhóm thấp (30/34 và 23/34).

- Sản phẩm tri thức và quyền sở hữu trí tuệ hạn chế: Điểm số đơn đăng ký nhãn hiệu, nhãn hiệu tập thể, số lượng doanh nghiệp KH&CN mới thành lập còn rất thấp, kéo tụt xếp hạng tri thức công nghệ.

- Nguồn nhân lực nền tảng yếu: Điểm trung bình tốt nghiệp THPT xếp hạng thấp (27/34). Chất lượng giáo dục phổ thông, đặc biệt là kết quả học tập và năng lực STEM của học sinh, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ số, kỹ năng nghiên cứu và đổi mới sáng tạo còn thấp; nguồn nhân lực phục vụ các lĩnh vực công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, tự động hóa và bán dẫn còn thiếu; tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 15 tuổi trở lên chỉ đạt 22.4% (xếp hạng 22).

- Tỷ trọng đóng góp của KH,CN&ĐMST vào tăng trưởng GRDP của tỉnh Khánh Hòa còn thấp, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo phát triển chậm, số doanh nghiệp KH&CN còn thấp, hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp chưa được coi trọng.

- Nguồn ngân sách đầu tư cho khoa học và công nghệ chưa đủ mạnh để trở thành nguồn lực dẫn dắt, kết quả tổng kết cho thấy, khả năng hấp thụ nguồn vốn đầu tư từ KH,CN&ĐMST vẫn còn thấp (Tối đa khoảng 41 tỷ/năm, theo PII xếp hạng 23/34).

- Mặc dù Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương PII Khánh Hòa xếp thứ 9/34 tỉnh thành nhưng các chỉ số thành phần cho thấy sự mất cân đối và thiếu bền vững, diễn hình như:

+ Chỉ số về Dự án hoạt động sản xuất trong khu công nghiệp và Dự án đầu tư vào khu công nghiệp lại thuộc nhóm thấp nhất cả nước. Qua đó cho thấy quy mô sản xuất công nghiệp của Khánh Hòa còn rất thấp so với các địa phương khác.

+ Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh thuộc nhóm thấp của cả nước (theo PII xếp hạng 24/34). Qua đó cho thấy trình độ lao động không đồng đều giữa các nhóm lao động khác nhau, hoặc năng suất lao động tăng là nhờ một số nhóm lao động trong các ngành công nghiệp, du lịch, dịch vụ... trong khi nhóm lao động ở các xã miền núi chưa thể cải thiện được năng suất lao động.

+ Mức chi R&D/GRDP cao nhưng chỉ số Chi ngân sách/GRDP ở nhóm thấp cho thấy khả năng giải ngân nguồn ngân sách trong đầu tư cho KH,CN&ĐMST chưa cao. Mật độ doanh nghiệp/1.000 dân nhóm cao nhưng số đơn đăng ký nhãn hiệu/1.000 doanh nghiệp lại thấp cho thấy trình độ phát triển của doanh nghiệp còn thấp hoặc các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn nhỏ chưa quan tâm đến thương hiệu, tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

+ Một số điểm yếu khác chưa được cải thiện qua nhiều năm như: Điểm trung bình tốt nghiệp THPT của tỉnh thuộc nhóm thấp nhất (trong những năm liên tiếp, theo PII 2025 xếp hạng thứ 27/34) nhưng chưa có giải pháp phù hợp để cải thiện trong dài hạn.

+ Các nhóm chỉ số đầu ra của sáng tạo như: Số lượng doanh nghiệp khoa học công nghệ; Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp thuộc nhóm thấp.

Tác động xã hội và thu nhập chưa tương xứng: Thu nhập bình quân đầu người và giá trị xuất khẩu trên GRDP thuộc nhóm chưa tốt (24/34 và 23/34).

2. Nguyên nhân

- Về cơ chế chính sách: Các chính sách thúc đẩy KH,CN,ĐMST&CĐS và hỗ trợ doanh nghiệp chưa đủ mạnh để tạo ra lực kéo, chưa thu hút được dòng vốn tư nhân đầu tư vào hoạt động R&D. Việc tổ chức xây dựng các nhóm nghiên cứu thông qua việc hợp tác để tập hợp tri thức cũng như tối ưu hóa nguồn lực, tận dụng các cơ sở hạ tầng giữa các tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh còn hạn chế. Một trong những nguyên nhân của điểm yếu này đó là cơ chế, quy chế quản lý sử dụng các tài sản, phòng thí nghiệm hiện nay chưa được cởi mở.

- Quy trình quản lý, cơ chế quản lý tài chính đối với nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo vẫn chậm cải tiến để phù hợp với thực tiễn. Diễn hình như việc yêu cầu phải đấu thầu trong mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu gây ra nhiều khó khăn cho các nhà khoa học. Mặt khác, quy trình quản lý và cơ chế thời gian vừa qua vẫn thiên về kiểm soát, chưa tạo không gian cho việc thiết lập các nghiên cứu có tính đột phá, dài hạn và chấp nhận rủi ro.

- Về liên kết hệ sinh thái: Có sự đứt gãy trong chuỗi liên kết giữa các viện nghiên cứu, trường đại học (vốn là điểm mạnh của tỉnh) với cộng đồng doanh nghiệp địa phương. Số người làm nghiên cứu chuyên nghiệp (toàn thời gian) trên địa bàn tỉnh thì số lượng trên toàn tỉnh chưa đạt đến 500 người, tập trung trong lĩnh vực khoa học công nghệ biển, đại dương, vắc xin và sinh phẩm y tế, nông nghiệp, thú y, quản trị du lịch, thiếu hụt đáng kể trong lĩnh vực công nghiệp như: Cơ khí trình độ cao, kiến trúc, tự động hóa và đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế số. Mặt khác, những hạn chế về nhân lực trình độ cao cùng với cách thiết kế các nhiệm vụ nghiên cứu chưa thể gắn được với sản phẩm đủ tiềm năng thương mại hóa dẫn đến các kết quả mới chỉ giải quyết những vấn đề rời rạc.

- Về mặt bằng sản xuất và quy hoạch: Việc tiếp cận đất đai, hạ tầng kỹ thuật tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp còn gặp khó khăn, tỷ lệ đất công nghiệp có kết cấu hạ tầng hoàn thiện chưa cao.

- Về chất lượng giáo dục và phân bổ lao động: Chất lượng giáo dục phổ thông chưa đạt như kỳ vọng; trong những năm gần đây tỉnh chưa giải quyết được những điểm nghẽn về mặt bằng điểm trung bình tốt nghiệp THPT; trình độ lao động chuyển dịch chậm và không đồng đều giữa các vùng (đặc biệt là khu vực miền núi). Chưa hình thành được hệ sinh thái giáo dục STEM, giáo dục số và đổi mới sáng tạo có quy mô toàn tỉnh; việc liên kết giữa cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong phát hiện, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ còn hạn chế.

- Chưa hình thành được trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo do tỉnh quản lý. Một số trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp thuộc các trường đại học trên địa bàn tỉnh chưa hình thành được tư cách pháp nhân rõ nét, chưa hình thành được văn hóa khởi nghiệp.

- Tổ chức khoa học công nghệ thực hiện chức năng về ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ giai đoạn 2021 - 2025 gặp rất nhiều khó khăn, tiềm lực và năng lực của đơn vị này ngày càng bị suy yếu và mất dần vai trò thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.

PHẦN THỨ BA

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội nhanh, bền vững của tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn 2026 - 2030; chuyển mạnh từ giai đoạn xây dựng nền tảng sang giai đoạn tạo động lực tăng trưởng và lan tỏa kết quả, bảo đảm các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đóng góp trực tiếp, thực chất và có thể đo lường vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tập trung phát triển mạnh mẽ tiềm lực khoa học và công nghệ, xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo mở gắn kết chặt chẽ với chuyển đổi số toàn diện trên cả ba trụ cột: Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Phấn đấu đưa Khánh Hòa trở thành địa phương thuộc nhóm dẫn đầu cả nước về năng lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; duy trì vị trí trong nhóm các tỉnh, thành phố có năng lực đổi mới sáng tạo cao, nâng cao tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào GRDP, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương theo Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Đối với Bộ chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương PII: Giữ vị trí xếp hạng chung của tỉnh ổn định trong Top 10 địa phương dẫn đầu cả nước, phấn đấu tiệm cận Top 5; đưa KH,CN,ĐMST&CĐS trở thành động lực chủ yếu trong các ngành kinh tế chủ lực của tỉnh.

b) Đối với Bộ Chỉ số đánh giá chuyển đổi số DTI: Phấn đấu năm 2026 nằm trong nhóm Top 14 (tăng 2 bậc so với năm trước) và tăng dần (ít nhất 1-2 bậc) theo từng năm, bảo đảm đến năm 2030 nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu về chỉ số xếp hạng đánh giá chuyển đổi số (DTI). Kinh tế số: Đóng góp từ 30% đến 35% GRDP của tỉnh. Doanh nghiệp số: Trên 80% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số. Khai thông nguồn vốn tư nhân, thành lập ít nhất 01 quỹ hỗ trợ khởi nghiệp ngoài ngân sách; Chính quyền số: 100% cơ quan hành chính ứng dụng AI trong chỉ đạo điều hành; Tỉnh đạt mức độ trưởng thành quản trị dữ liệu cấp độ 4 đến cấp độ 5; Xã hội số: 70% dân số trưởng thành có chữ ký số cá nhân; phủ sóng 5G đạt 99% dân số; Về Hạ tầng và Dữ liệu: Hoàn thành Trung tâm dữ liệu tỉnh hướng đạt chuẩn Tier 3; đạt cấp độ 4 đến cấp độ 5 về mức độ trưởng thành quản trị dữ liệu; mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số.

c) Mục tiêu đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội:

- Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP đạt khoảng 55%.

- 100% nhiệm vụ KH,CN&ĐMST triển khai theo định hướng đặt hàng, có cam kết đầu ra và cơ chế theo dõi sau nghiệm thu; tối thiểu 50% nhiệm vụ cấp tỉnh có sự tham gia đồng tài trợ của doanh nghiệp hoặc địa phương thụ hưởng.

- Tỷ lệ kết quả nghiên cứu từ viện, trường được ứng dụng và thương mại hóa đạt tối thiểu 30%.

- Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu đạt tối thiểu 50%.

- Làm chủ và sản xuất trong nước một số sản phẩm công nghệ chiến lược phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, góp phần nâng cao năng lực tự chủ công nghệ và năng lực cạnh tranh quốc gia.

b) Các mục tiêu về phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ:

- Tổng đầu tư xã hội cho nghiên cứu và phát triển (R&D) đạt tối thiểu 2% GRDP, trong đó nguồn ngoài ngân sách nhà nước chiếm trên 60%. Bố trí ít nhất 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho phát triển KH,CN&ĐMST và tăng dần theo yêu cầu phát triển.

- Phát triển 10 - 15 doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (quy đổi toàn thời gian) đạt 12 người/vạn dân.

- Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng bình quân 10%/năm. Số lượng đơn đăng ký, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng bình quân 16% - 18%/năm.

- Tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại đạt 8% - 10% trên tổng số văn bằng bảo hộ được cấp.

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của các lĩnh vực công nghệ mới và ngành kinh tế trọng điểm. Triển khai đồng bộ các giải pháp thu hút, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, đặc biệt là chuyên gia, nhà khoa học và đội ngũ kỹ thuật có trình độ cao; đồng thời tăng cường gắn kết giữa đào tạo và nhu cầu của doanh nghiệp, thị trường lao động.

- Phát triển nguồn nhân lực số và nguồn nhân lực đổi mới sáng tạo thông qua đẩy mạnh giáo dục STEM trong các cơ sở giáo dục; nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và học sinh; đồng thời thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong học sinh, góp phần hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

c) Các mục tiêu về phát triển đổi mới sáng tạo

- Hình thành và vận hành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh với đầy đủ các thành phần: Doanh nghiệp - viện, trường - tổ chức trung gian - cơ quan quản lý nhà nước; Hình thành tối thiểu 02 Trung tâm đổi mới sáng tạo; tạo lập mạng lưới doanh nghiệp đổi mới sáng tạo có năng lực cạnh tranh khu vực; hỗ trợ ươm tạo tối thiểu 02 doanh nghiệp công nghệ cao; Hình thành tối thiểu 10 nhóm nghiên cứu liên quan đến các nhóm sản phẩm công nghệ chiến lược; phát triển đội ngũ nhân lực KH,CN&ĐMST chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu các ngành công nghệ ưu tiên.

d) Về hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế theo hướng đồng bộ, linh hoạt và thích ứng với yêu cầu phát triển mới; tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho đổi mới sáng tạo, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ. Từng bước nghiên cứu, thí điểm và nhân rộng các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với công nghệ và mô hình mới, qua đó giảm rào cản thể chế, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đổi mới sáng tạo và đầu tư phát triển công nghệ.

d) Tập trung phát triển các lĩnh vực ưu tiên, công nghệ chiến lược: Tập trung nguồn lực để phát triển một số lĩnh vực và công nghệ có lợi thế, khả năng

tạo đột phá và lan tỏa cao, gắn với định hướng phát triển kinh tế của tỉnh. Trọng tâm là các lĩnh vực công nghiệp, năng lượng và hạ tầng kỹ thuật theo hướng xanh, hiệu quả; nông nghiệp, thủy sản theo hướng công nghệ cao, thích ứng với điều kiện tự nhiên; tài nguyên, môi trường và biến đổi khí hậu; kinh tế biển; du lịch - dịch vụ; y dược và chăm sóc sức khỏe. Đồng thời, chú trọng tiếp cận và ứng dụng các công nghệ nền như dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa... nhằm nâng cao năng lực quản lý, sản xuất và cạnh tranh.

đ) Tổ chức hoạt động KH,CN&ĐMST theo nhu cầu thị trường: Chuyển mạnh phương thức tổ chức hoạt động theo hướng lấy nhu cầu thực tiễn làm trung tâm, lấy hiệu quả ứng dụng và giá trị tạo ra làm thước đo. Các nhiệm vụ KH,CN&ĐMST được xác định trên cơ sở bài toán phát triển cụ thể, có địa chỉ ứng dụng rõ ràng và có sự tham gia của doanh nghiệp ngay từ đầu. Đồng thời, mở rộng các cơ chế đặt hàng, đồng tài trợ, gắn với cam kết đầu ra và tăng cường theo dõi, đánh giá sau nghiệm thu nhằm bảo đảm kết quả nghiên cứu được đưa vào thực tiễn.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách

a) Hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực thi chính sách:

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với đặc thù lao động sáng tạo, nguyên tắc thị trường, chuẩn mực và thông lệ quốc tế; khả thi trong triển khai; hiệu quả đo lường được bằng kết quả cụ thể, đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng, năng suất và đổi mới sáng tạo; dẫn dắt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “2 con só”.

b) Cơ chế tài chính và kiến tạo chính sách dẫn dắt:

- Phân bổ ngân sách nhà nước cho KH,CN&ĐMST với cơ cấu chi hợp lý, cân đối giữa nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, đảm bảo việc kiểm soát và có thể linh hoạt điều chỉnh theo yêu cầu của thực tiễn phát triển với các định hướng, cụ thể: Tập trung bố trí ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học phục vụ nghiên cứu, phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược, bảo đảm tối thiểu 15% trong tổng chi sự nghiệp khoa học; Ưu tiên phân bổ ngân sách cho nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ phục vụ nhu cầu thực tiễn. Đồng thời bảo đảm đầu tư đúng tầm cho nghiên cứu cơ bản, phát triển hạ tầng và nguồn nhân lực chất lượng cao; Bố trí ngân sách hợp lý cho đổi mới, cải tiến công nghệ, các nhiệm vụ có doanh nghiệp tham gia, cùng tài trợ, tiếp nhận, thương mại hóa kết quả và thực hiện theo cơ chế đối ứng; đồng thời khuyến khích đổi mới quản trị và quy trình, thử nghiệm công nghệ, tăng cường đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp dùng công nghệ mới qua hình thức phiếu hỗ trợ tài chính (voucher).

- Chính sách nhân lực đặc thù: Tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ưu tiên chuyên gia

trong các lĩnh vực công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ đại dương, công nghệ sinh học, năng lượng nguyên tử và các công nghệ chiến lược phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh từng thời kỳ.

- Kích cầu ĐMST trong doanh nghiệp: Khai thác triệt để Nghị định số 268/2025/NĐ-CP để công nhận, hỗ trợ hạ tầng mạng lưới và miễn giảm thuế/phí cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp KH&CN đầu tư vào R&D.

- Hoàn thiện quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH,CN&ĐMST theo hướng linh hoạt, phù hợp đặc thù nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, tăng cường trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ; Rà soát, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các quy định hiện hành về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH,CN&ĐMST.

2. Mô hình liên kết ĐMST và Phát triển thị trường công nghệ:

- Nghiên cứu, thí điểm và từng bước nhân rộng các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với công nghệ và mô hình mới (công nghệ đại dương, năng lượng tái tạo, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo...), qua đó giảm rào cản thể chế và khuyến khích doanh nghiệp tham gia đổi mới sáng tạo, đầu tư phát triển công nghệ.

- Vận hành Không gian hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST: Khẩn trương đưa vào hoạt động Không gian hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST gắn liền với hoạt động của Sàn giao dịch KH&CN Việt Nam trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai mô hình Cầu nối tổ chức trung gian: Thúc đẩy hình thành các tổ chức trung gian đánh giá, định giá công nghệ nhằm kết nối trực tiếp các kết quả nghiên cứu khoa học cấp tỉnh với nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp chế biến, chế tạo.

- Vận động, kêu gọi các nguồn lực ngoài ngân sách vào Khánh Hòa nhằm ươm tạo tối thiểu 02 dự án khởi nghiệp sáng tạo/năm.

3. Giải pháp nâng cấp hạ tầng và phát triển doanh nghiệp công nghệ

- Mô hình Khu công nghiệp Thông minh - Xanh - Bền vững: BQL Khu kinh tế và Khu Công nghiệp chủ trì xây dựng mô hình KCN thông minh ứng dụng AI, IoT trong quản lý vận hành. Đẩy mạnh tiến độ hạ tầng kỹ thuật tại cụm công nghiệp, nâng tỷ lệ tiếp cận mặt bằng sạch của doanh nghiệp lên trên 8%.

- Chiến lược phân bổ lại chỉ tiêu đất công nghiệp: Nghiên cứu đề xuất điều chỉnh Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030 nhằm tối ưu hóa quỹ đất phát triển công nghiệp công nghệ cao, thu hút mạnh mẽ dòng vốn FDI chất lượng cao/GRDP.

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và Giáo dục STEM

Xây dựng và triển khai Chương trình phát triển nguồn nhân lực số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026-2030; đẩy mạnh giáo dục STEM, giáo dục số, trí tuệ

nhân tạo, khoa học dữ liệu trong các cơ sở giáo dục; phát triển hệ thống phòng học STEM, không gian sáng tạo, phòng thí nghiệm công nghệ số; thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo trong học sinh, sinh viên; tăng cường liên kết giữa cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp trong đào tạo nhân lực phục vụ các ngành công nghệ chiến lược của tỉnh.

5. Phát triển Dữ liệu số, Ứng dụng AI và Bảo đảm an ninh mạng

- Mô hình Kho dữ liệu dùng chung và Quản trị dữ liệu tập trung: Đầu tư xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và Nền tảng quản trị, giám sát dữ liệu thống nhất (30 tỷ đồng) nhằm đưa dữ liệu về một mối, phục vụ điều hành theo thời gian thực (Dashboard).

- Mô hình Trung tâm dữ liệu hiện đại: Đầu tư nâng cấp hạ tầng số cốt lõi, phát triển Trung tâm dữ liệu tỉnh hướng đạt chuẩn Tier 3 và kiến tạo Trung tâm dữ liệu đa mục tiêu cấp vùng tại Khánh Hòa.

- Ứng dụng AI bao trùm chính quyền và xã hội: Tích hợp trợ lý ảo (AI) vào các khâu dịch vụ công trực tuyến thiết yếu (100% ứng dụng AI xử lý thủ tục hành chính). Ứng dụng AI, IoT trong y tế dự phòng, bệnh án điện tử (EMR) và hệ thống học tập thông minh (LMS) của ngành giáo dục.

- Xây dựng hệ thống An ninh mạng chủ động: Nâng cấp Trung tâm giám sát và tác chiến an ninh mạng do Công an tỉnh quản lý để kiểm soát toàn diện rủi ro mã độc, chống thất thoát dữ liệu nhạy cảm và phòng chống tội phạm công nghệ cao.

d) Phát triển hệ thống dữ liệu và chuẩn hóa công tác thống kê, đánh giá KH,CN,ĐMST&CDS.

Xây dựng hệ thống quản lý chương trình, nhiệm vụ KH,CN,ĐMST&CDS trên nền tảng số thống nhất, kết nối các cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa quản lý theo vòng đời nhiệm vụ, áp dụng mã định danh thống nhất. Bảo đảm công khai, minh bạch thông tin, cho phép doanh nghiệp, xã hội tiếp cận, khai thác; ứng dụng công nghệ số trong giám sát, đánh giá và hỗ trợ phân bổ nguồn lực; phát triển hạ tầng dữ liệu số và nền tảng dữ liệu mở làm nền tảng cho AI và đổi mới sáng tạo.

đ. Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực KH,CN&ĐMST: Tập trung xây dựng và triển khai chính sách thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học và nhân tài trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST; tuyển chọn, sử dụng hiệu quả đội ngũ chuyên gia đầu ngành tham gia phát triển các sản phẩm công nghệ chiến lược, công nghệ cao. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu gắn với quá trình thực hiện nhiệm vụ KH,CN&ĐMST; thúc đẩy liên kết, dịch chuyển nhân lực giữa viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; nâng cao năng lực quản trị công nghệ, dữ liệu, tài sản trí tuệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, an toàn và quản trị rủi ro công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

e) Phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược: Tập trung triển khai Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược của tỉnh; ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng và thương mại hóa các sản

phẩm công nghệ có lợi thế, gồm tự động hóa và sản xuất thông minh trong chế biến thủy sản, công nghệ gen trong nông nghiệp và thủy sản, công nghệ đại dương và khai thác biển sâu, trí tuệ nhân tạo (AI) và các giải pháp tích hợp AI phục vụ phát triển các ngành kinh tế chủ lực của tỉnh.

g) Tăng cường liên kết giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo:

- Chuyển mạnh hoạt động KH,CN&ĐMST theo hướng lấy nhu cầu thực tiễn và thị trường làm trung tâm; nhiệm vụ nghiên cứu phải xuất phát từ bài toán phát triển của ngành, địa phương, doanh nghiệp và có địa chỉ ứng dụng rõ ràng.

- Mở rộng cơ chế đặt hàng, đồng tài trợ giữa Nhà nước và doanh nghiệp; gắn nhiệm vụ với cam kết đầu ra, thương mại hóa kết quả, tăng cường đánh giá hiệu quả ứng dụng và tác động kinh tế - xã hội làm cơ sở lựa chọn, đầu tư nhiệm vụ mới.

- Xây dựng hệ thống dữ liệu và quản lý nhiệm vụ KH,CN&ĐMST trên nền tảng số thống nhất; chuẩn hóa công tác thống kê, đánh giá, bảo đảm công khai, minh bạch, hỗ trợ kết nối, khai thác dữ liệu và phân bổ hiệu quả nguồn lực phát triển KH,CN&ĐMST.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan thường trực triển khai Đề án, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các nội dung của Đề án; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều hành và giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Chủ trì xây dựng kế hoạch triển khai hằng năm; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Các sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp; UBND cấp xã

Theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc triển khai thực hiện Đề án; lồng ghép các chương trình, dự án, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhằm bảo đảm nguồn lực và điều kiện cần thiết để thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

Ủy ban nhân dân các địa phương tổ chức triển khai các hoạt động của Đề án tại địa phương; phối hợp thực hiện công tác truyền thông, đẩy mạnh triển khai các hoạt động, nhiệm vụ về KH,CN&ĐMST&CĐS; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHI TIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

(Kèm theo Đề án Nâng cao bộ chỉ số khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 được ban hành tại Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /.../2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

TT	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả đến năm 2028	Kết quả đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I.	NHÓM TIÊU CHÍ ĐẦU VÀO					
1	Nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Người/Vạn dân	≥ 11	12	Sở KH&CN	Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo, các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
2	Tỷ lệ lực lượng lao động trí thức trong các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chiến lược	%	≥ 20	25	Sở KH&CN	Sở Công thương, các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
3	Tổng đầu tư xã hội cho nghiên cứu và phát triển	%GRDP	$\geq 1,5$	≥ 2	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
4	Tỷ lệ nguồn ngoài ngân sách nhà nước trên tổng	%	60	>60	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên

TT	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả đến năm 2028	Kết quả đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	đầu tư xã hội cho nghiên cứu và phát triển					quan
5	Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	%	2	≥ 2 và tăng dần	Sở Tài chính	Sở KH&CN, các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
II.	NHÓM TIÊU CHÍ KẾT QUẢ					
II.1	<i>Kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i>					
6	Số lượt công bố khoa học quốc tế tăng bình quân	%/năm	10	10	Sở KH&CN	Các Viện, trường, các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
7	Số đơn đăng ký, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng bình quân	%/năm	18	16 - 18	Sở KH&CN	Các Viện, trường, các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
8	Tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại trên tổng số văn bằng bảo hộ được	%	8	8 - 10	Sở KH&CN	Các Viện, trường, các Sở, ngành, địa phương và cơ

TT	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả đến năm 2028	Kết quả đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	cấp					quan, đơn vị liên quan
9	Số lượng cá nhân được đào tạo thông qua nhiệm vụ KH&CN	Người	>20	>30 người	Sở KH&CN	Các Tổ chức chủ trì nhiệm vụ, Chủ nhiệm đề tài
II.2	Kết quả chuyển giao và ứng dụng					
10	Số lượng hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được đăng ký và cấp phép	Hợp đồng	>5	>10	Sở KH&CN	Các Tổ chức Khoa học và Công nghệ, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ; viện, trường
III.	NHÓM TIÊU CHÍ HIỆU QUẢ					
III.1	Hiệu quả kinh tế					
11	Tỷ trọng đóng góp của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong GRDP	%	>30	>35	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
12	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân	%	Tăng bình quân đạt 11%/năm đến 2030		Sở Tài Chính	Sở KH&CN, các Sở, ngành, địa phương và cơ

TT	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả đến năm 2028	Kết quả đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
						quan, đơn vị liên quan
13	Đóng góp của TFP (năng suất các nhân tố tổng hợp) vào tăng trưởng kinh tế	%	>50	>55	Sở Tài Chính	Sở KH&CN, các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
14	Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu	%	>45	≥50	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
III.2	<i>Tác động xã hội và môi trường</i>					
15	Tỷ lệ lao động làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	%	3	5	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
16	Tỷ lệ người dân được tiếp cận cơ hội học tập suốt đời	%	100	100	Sở GD&ĐT	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan

TT	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả đến năm 2028	Kết quả đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
17	Tỷ lệ đơn vị hành chính áp dụng hệ thống giám sát, quản lý thông minh	%	100	100	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
18	Mức độ số hóa tài nguyên văn hóa dân tộc	%	100	100	Sở VHTTDL	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
19	Mức độ đổi mới sáng tạo trong phát huy giá trị văn hóa dân tộc	%	100	100	Sở VHTTDL	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
III.3	<i>Tác động quản trị và dịch vụ công</i>					
20	Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước	%	>90	>95	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
21	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	80	90	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan

TT	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả đến năm 2028	Kết quả đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
III.4	Tác động tổng hợp					
22	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương PII	Thứ bậc	Nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước	Nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
23	Chỉ số Đánh giá Chuyển đổi số DTI	Thứ bậc	<12	Nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
24	Chỉ số Phát triển con người (HDI)	Giá trị	>0.7	1	Thống kê tỉnh	Sở Y tế; Sở GD&ĐT; Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
25	Số trung tâm đổi mới sáng tạo được hình thành	Trung tâm	1	2	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
26	Chỉ số hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo	Thứ bậc	Nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước	Nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
27	Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hỗ trợ	Doanh nghiệp	10	15	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan

TT	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả đến năm 2028	Kết quả đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
28	Số doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ được hỗ trợ	Doanh nghiệp	50	100	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
29	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp	%	40	40	Sở KH&CN	Sở Tài chính và các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
30	Tỷ lệ làm chủ nhóm công nghệ chiến lược của tỉnh	%	50	70	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
31	Tỷ lệ kết quả nghiên cứu từ viện, trường được thương mại hóa	%	25	≥ 30	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
32	Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ truyền thông khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số Quốc gia được giao tại Quyết định số 1169/QĐ-TTg	Điểm	60/100	80/100	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan

TT	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả đến năm 2028	Kết quả đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	ngày 16/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ					